

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLTV ngày tháng 4 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lương Thế Vinh)

Tên chương trình: Đào tạo đại học ngành Kế toán

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã số: 7340301

Thời gian đào tạo: 4 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có đạo đức nghề nghiệp về kế toán; nắm vững kiến thức cơ bản, cơ sở và bổ trợ về kinh tế - quản lý và kinh doanh; có kiến thức toàn diện về kế toán; làm tốt công tác kế toán trong các loại hình đơn vị.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Vận dụng được các kiến thức nền tảng liên quan vào công việc của nghề kế toán

- Phát triển năng lực phân tích và giải quyết vấn đề pháp lý, thâm nhập thực tế, có phẩm chất, kỹ năng cá nhân, đạo đức và các trách nhiệm XH khác.

- Tiếp nhận các vụ việc và xác minh các tình huống thực tế, suy luận và phân tích các nội dung pháp lý, viện dẫn các cơ sở pháp luật phù hợp và đưa ra được các phương án giải quyết vấn đề trong chuyên môn kế toán một cách hợp lý.

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có được những khả năng sau:

a. Về kiến thức

- Hiểu những kiến thức cơ bản về khoa học lý luận chính trị, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, quy định pháp luật về kinh tế để xác lập

thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Vận dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung.

- Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tác nghiệp trong lĩnh vực kế toán.

- Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán.

- Vận dụng các kiến thức về tổ chức công tác kế toán (tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo kế toán...) nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc trong các loại hình đơn vị kế toán.

- Lập kế hoạch tài chính, phân tích tình hình tài chính, đánh giá các hoạt động kinh tế giúp lãnh đạo đơn vị đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh hiệu quả.

- Tổng hợp, phân tích thông tin để tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, hoạch định chính sách tài chính

b. Về kỹ năng

- Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc, dẫn dắt chuyên môn.

- Sử dụng thành thạo ngoại ngữ: Đọc, hiểu, dịch văn bản, giao tiếp bằng ngoại ngữ trong việc thực hiện các công việc kế toán.

- Kỹ năng tổng hợp cơ sở dữ liệu của đơn vị để lập các báo cáo kế toán (BCKT tài chính, BCKT quản trị)

- Lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề; khám phá và nghiên cứu các kiến thức trong lĩnh vực kế toán.

- Lập, kê khai, quyết toán thuế..., truyền đạt vấn đề kế toán bằng văn bản, thuyết trình... trong các loại hình đơn vị kế toán

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập, có kỹ năng phản biện và làm việc nhóm, đàm phán với đối tác. Có năng lực lập kế hoạch dự toán, quản lý nguồn nhân lực của đơn vị kế toán.

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội. Nhận thức rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh tế.

- Tự định hướng, thích nghi với công việc kế toán thuộc các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Hướng dẫn, kiểm tra các công việc kế toán của bản thân và của đồng nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

- Hiểu những kiến thức cơ bản về khoa học lý luận chính trị, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, quy định pháp luật về kinh tế để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Vận dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung

- Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tác nghiệp trong lĩnh vực kế toán.

- Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán.

- Vận dụng các kiến thức về tổ chức công tác kế toán (tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo kế toán...) nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc trong các loại hình đơn vị kế toán.

- Lập kế hoạch tài chính, phân tích tình hình tài chính, đánh giá các hoạt động kinh tế giúp lãnh đạo đơn vị đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh hiệu quả.

- Tổng hợp, phân tích thông tin để tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, hoạch định chính sách tài chính.

2.2. Kỹ năng

- Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc, dẫn dắt chuyên môn

- Sử dụng thành thạo ngoại ngữ: Đọc, hiểu, dịch văn bản, giao tiếp bằng ngoại ngữ trong việc thực hiện các công việc kế toán.

- Kỹ năng tổng hợp cơ sở dữ liệu của đơn vị để lập các báo cáo kế toán (BCKT tài chính, BCKT quản trị)

- Lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề; khám phá và nghiên cứu các kiến thức trong lĩnh vực kế toán.

- Lập, kê khai, quyết toán thuế..., truyền đạt vấn kế toán bằng văn bản, thuyết trình... trong các loại hình đơn vị kế toán.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập, có kỹ năng phản biện và làm việc nhóm, đàm phán với đối tác. Có năng lực lập kế hoạch dự toán, quản lý nguồn nhân lực của đơn vị kế toán.

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội. Nhận thức rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh tế.

- Tự định hướng, thích nghi với công việc kế toán thuộc các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Hướng dẫn, kiểm tra các công việc kế toán của bản thân và của đồng nghiệp.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Thí sinh thi tuyển hoặc xét tuyển theo qui chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 125 tín chỉ bao gồm: Kiến thức giáo dục đại cương 32 tín chỉ, kiến thức giáo dục cơ sở ngành 30 tín chỉ, kiến thức giáo dục chuyên ngành 53 tín chỉ, thực tập tốt nghiệp và khóa luận(học phần thay thế) 10 tín chỉ. Sinh viên hoàn thành chứng chỉ với giáo dục thể chất (3 tín chỉ), giáo dục quốc phòng – an ninh (8 tín chỉ). Các học phần được sắp xếp trong 8 học kì, tương đương 4 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 125 tín chỉ của chương trình đào tạo (CTĐT); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); Không vi phạm pháp luật hoặc bị thi hành kỷ luật ở mức cảnh cáo; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi

Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

6. Cách thức đánh giá:

Đánh giá sinh viên ngành kế toán là đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần. Các phương pháp đánh giá được thiết kế nhằm đánh giá và đo lường được các kiến thức, kỹ năng, thái độ và nhận thức của sinh viên theo mỗi học phần. Các phương pháp đánh giá có tiêu chí cụ thể và được công bố đến sinh viên.

Nhiều phương pháp đánh giá được sử dụng kết hợp trong đánh giá quá trình, và đánh giá tổng kết:

- Đối với đánh giá quá trình và kết thúc học phần: sinh viên được đánh giá **điểm trung bình chung học phần** dựa trên sự tham gia với học phần (điểm chuyên cần hệ số 1), qua các bài tập, kiểm tra ngắn; semina, bài tập và thảo luận nhóm; thảo luận cặp đôi, phỏng vấn, trắc nghiệm, bài tự luận (điểm thường xuyên hệ số 1) điểm kiểm tra giữa học phần (hệ số 2) . **Điểm tổng kết học phần** là điểm trung bình chung học phần có trọng số 40% và tiểu luận hoặc thi kết thúc học phần có trọng số 60%;

- Đối với đánh giá tổng kết xem xét việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT bao gồm:

+ Làm khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp. Đánh giá tổng kết cuối khóa bao gồm đánh giá của giáo viên hướng dẫn Khóa luận tốt nghiệp và hội đồng chấm Khóa luận tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, thái độ và nhận thức từ lúc giao khóa luận đến lúc bảo vệ.

+ Khi không làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên thi tốt nghiệp ba môn gồm: Chính trị (môn điều kiện) ; môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành hoặc học thêm hai học phần tương đương với 6 tín chỉ thay thế.

* Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Thang điểm 10 sau đó qui đổi thành thang điểm 4

7. Nội dung chương trình

TT	Nội dung	Số tín chỉ	Số tiết		Vị trí của học phần	Ghi chú
			LT	TH		
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	32				(11TC điều kiện)
1	Triết học Mác - Lênin	3	36	18		

2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12	Sau học phần 1,4	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12	Sau học phần 1,4,2	
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24	12	Sau Triết học Mác-Lênin	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	36	18	Sau học phần 1,2,3,4	
6	Tin học đại cương	3	36	18		
7	Tiếng Anh 1	2	24	12		
8	Tiếng Anh 2	2	24	12	Sau Tiếng Anh 1	
9	Tiếng Anh 3	2	24	12	Sau Tiếng Anh 1,2	
10	Tiếng Anh 4	2	24	12	Sau Tiếng Anh 1,2,3	
11	Tiếng Anh 5	2	24	12	Sau Tiếng Anh 1,2,3,4	
12	Toán kinh tế	3	36	18		
13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	3	36	18	Sau học phần toán kinh tế	
14	Pháp luật đại cương	2	24	12		
15	Giáo dục thể chất	3			Môn điều kiện	
16	Giáo dục quốc phòng- An ninh	8			Môn điều kiện	

II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	93				
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	30				
	Bắt buộc	24				
1	Kinh tế vi mô 1	3	36	18		
2	Kinh tế vĩ mô 1	3	36	18	Sau học phần 1	
3	Quản trị học	3	36	18		
4	Tài chính - tiền tệ	3	36	18		
5	Nguyên lý thống kê	3	36	18		
6	Nguyên lý kế toán	3	36	18		
7	Marketing căn bản	3	36	18		
8	Kiểm toán căn bản	3	36	18		
	Tự chọn	6				
	<i>Tổ hợp 1</i>	3				
9a	Luật Kinh tế	3	36	18	Sau học phần I.14	
9b	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	36	18	Sau học phần I. 1,4	
9c	Thương mại điện tử	3	36	18		
9d	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	36	18		
	<i>Tổ hợp 2</i>	3				
10a	Kinh tế lượng	3	36	18	Sau học phần I.12,13 và II.1,2	
10b	Phương pháp NCKH	3	36	18	Sau học phần II.5	

10c	Soạn thảo các VB quản lý kinh tế	3	36	18		
2.2.	Kiến thức ngành	24				
	Bắt buộc	15				
1	Kế toán tài chính 1	3	36	18	Nguyên lý kế toán	
2	Kế toán tài chính 2	3	36	18	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1	
3	Lập và phân tích báo cáo tài chính	3	36	18		
4	Tổ chức công tác kế toán	3	36	18	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1	
5	Kế toán thuế	3	36	18	Kế toán tài chính	
	Tự chọn	9				
	<i>Tổ hợp 1</i>					
6a	Kế toán quốc tế	3	36	18	Nguyên lý kế toán	
6b	Luật và chuẩn mực kế toán	3	36	18	Nguyên lý kế toán	
	<i>Tổ hợp 2</i>					
7a	Thực hành kế toán trong DN	3	15	60		
7b	Thực hành kế toán thuế	3	15	60		
	<i>Tổ hợp 3</i>					
8a	Quản trị doanh nghiệp	3	36	18		

8b	Tài chính công	3	36	18		
8c	Thị trường chứng khoán	3	36	18		
8d	Tài chính doanh nghiệp	3	36	18		
2.3	Kiến thức chuyên ngành	27				
	Bắt buộc	15				
1	Kế toán Hành chính sự nghiệp	3	36	18	Nguyên lý kế toán	
2	Kiểm toán BCTC	3	36	18	Sau các học phần cơ sở ngành	
3	Kế toán quản trị	3	36	18	Sau các học phần cơ sở ngành	
4	Kế toán máy	3	15	60	Nguyên lý kế toán, KTTC1	
5	Kế toán ngân hàng	3	36	18	Nguyên lý kế toán	
	Tự chọn	12				
	Tổ hợp 1					
6a	Kế toán bảo hiểm	3	36	18	Nguyên lý kế toán, KTTC1	
6b	Kiểm toán ngân hàng	3	36	18		
6c	Kế toán xây dựng cơ bản	3	36	18		
	Tổ hợp 2					
7a	Kế toán thương mại dịch vụ	3	36	18		

7b	Kế toán chứng khoán	3	36	18		
	Tổ hợp 3					
8a	Hệ thống thông tin kế toán	3	36	18		
8b	Kế toán công ty	3	36	18		
	Tổ hợp 4					
9a	Thực hành Kiểm toán BCTC	3	15	60		
9b	Thực hành kế toán HCSN	3	15	60		
9c	Thực hành kế toán quản trị	3	15	60		
2.4	Thực tập môn học	2				
III	Tốt nghiệp					
3.1	Thực tập tốt nghiệp	4				
3.2	Khóa luận tốt Nghiệp	6				
3.3	Tự chọn thay thế khóa luận	6				
	Tổ hợp 1					
	Kiểm toán nội bộ	3	36	18		
	Kiểm soát quản lý	3	36	18		
	Tổ hợp 2					
	Kế toán ngân sách	3	36	18		
	Kế toán DN vừa và nhỏ	3	36	18		
	Tổng toàn khóa	125TC				

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Quốc Chánh

Kế hoạch đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LƯƠNG THẾ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLTV ngày tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lương Thế Vinh)

Kế toán:

Mã ngành: 7340301

Ngành: Kế toán

Thời gian đào tạo: 4 năm

TT	Tên HP	TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ								
			LT	TH	I		II		III		IV		
					1	2	3	4	5	6	7	8	
I	Phần Kiến thức đại cương	32											
1	Triết học Mác-Lênin	3	36	18	3								
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24	12		2							
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12				2					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12					2				
5	Lịch sử Đảng CSVN	2	24	12						2			
6	Pháp luật đại cương	2	24	12	2								
7	Tin học đại cương	3	36	18		3							
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18	3								

9	Toán kinh tế	3	36	18		3						
10	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
11	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
12	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
13	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
14	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
15	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
16	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x						
17	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
18	Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
II	Kiến thức ngành	83										
II.1	Kiến thức cơ sở ngành	30										
	Bắt buộc	24										
1	Kinh tế vi mô 1	3	36	18	3							
2	Kinh tế vĩ mô 1	3	36	18		3						
3	Quản trị học (căn bản)	3	36	18	3							
4	Tài chính - tiền tệ	3	36	18			3					
5	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3					
6	Nguyên lý kế toán	3	36	18			3					
7	Marketing căn bản	3	36	18		3						
8	Kiểm toán căn bản	3	36	18				3				
	Tự chọn	6										
	Tổ hợp 1	3					3					
9a	Luật Kinh tế (căn bản)	3	36	18								

9b	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	36	18								
9c	Thương mại điện tử	3	36	18								
9d	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	36	18								
	Tổ hợp 2	3						3				
10a	Kinh tế lượng	3	36	18								
10b	Phương pháp NCKH	3	36	18								
10c	Soạn thảo các VB quản lý kinh tế	3	36	18								
II.2	Kiến thức ngành	24										
	Bắt buộc	15										
1	Kế toán tài chính 1	3	36	18				3				
2	Kế toán tài chính 2	3	36	18					3			
3	Lập và phân tích báo cáo tài chính	3	36	18						3		
4	Tổ chức công tác kế toán	3	36	18					3			
5	Kế toán thuế	3	36	18					3			
	Tự chọn	9										
	Tổ hợp 1							3				
6a	Kế toán quốc tế	3	36	18								
6b	Luật và chuẩn mực kế toán	3	36	18								
6c	Luật và chuẩn mực kiểm toán	3	36	18								
	Tổ hợp 2									3		
7a	Thực hành kế toán trong DN	3	15	60								
7b	Thực hành kế toán thuế	3	15	60								
	Tổ hợp 3							3				
8a	Quản trị doanh nghiệp	3	36	18								

8b	Tài chính công	3	36	18								
8c	Thị trường chứng khoán	3	36	18								
8d	Tài chính doanh nghiệp	3	36	18								
II.3	Kiến thức chuyên ngành	27										
	Bắt buộc	15										
1	Kế toán Hành chính sự nghiệp	3	36	18				3				
2	Kiểm toán BCTC	3	36	18						3		
3	Kế toán quản trị	3	36	18				3				
4	Kế toán máy	3	15	60					3			
5	Kế toán ngân hàng	3	36	18					3			
	Tự chọn	12										
	Tổ hợp 1										3	
9a	Kế toán bảo hiểm	3	36	18								
9b	Kiểm toán ngân hàng	3	36	18								
9c	Kế toán xây dựng cơ bản	3	36	18								
	Tổ hợp 2										3	
10a	Kế toán thương mại dịch vụ	3	36	18								
10b	Kế toán chứng khoán	3	36	18								
	Tổ hợp 3										3	
11a	Hệ thống thông tin kế toán	3	36	18								
11b	Kế toán công ty	3	36	18								
	Tổ hợp 4										3	
12a	Thực hành Kiểm toán BCTC	3	15	60								
12b	Thực hành kế toán HCSN	3	15	60								

12c	Thực hành kế toán quản trị	3	15	60								
II.4	Thực tập môn học	2								2		
II.5	Thực tập tốt nghiệp	4										4
II.6	KLTN/Tự chọn thay thế khóa luận	6										6
	<i>Tổ hợp 1</i>											
13a	Kiểm toán nội bộ	3	36	18								
13b	Kiểm soát nội bộ	3	36	18								
13c	Kiểm soát quản lý	3	36	18								
	<i>Tổ hợp 2</i>											
14a	Kế toán ngân sách	3	36	18								
14b	Kế toán DN vừa và nhỏ	3	36	18								
Tổng tín chỉ toàn khóa		125			16	16	17	16	19	16	15	10

Ghi chú: Các học phần Thực tập môn học bao gồm: KT tài chính 1, KT tài chính 2, Kế toán quản trị, tổ chức công tác kế toán, kế toán thuế

TRƯỞNG KHOA

Nam Định, ngày tháng 4 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Mai Quốc Chánh